

THÔNG BÁO

V vi c h ng d n h c sinh, sinh viên làm h s mi n, gi m h c phí
theo Ngh nh 49/2010/N -CP và Ngh nh 74/2013/N -CP c a Chính ph

- C n c Ngh nh 49/2010/N -CP ngày 14/5/2010 c a Chính ph quy nh v mi n, gi m h c phí, h tr chi phí h c t p và c ch thu, s d ng h c phí i v i các c s giáo d c thu c h th ng giáo d c qu c dân t n m h c 2010-2011 n n m h c 2014-2015 (sau ây g i là Ngh nh 49);

- C n c Ngh nh s 74/2013/N -CP ngày 15/7/2013 c a Chính ph s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh s 49/2010/N -CP ngày 14/5/2010 c a Chính ph quy nh v mi n, gi m h c phí, h tr chi phí h c t p và c ch thu, s d ng h c phí i v i c s thu c h th ng giáo d c qu c dân t n m h c 2010-2011 n n m h c 2014-2015 (sau ây g i là Ngh nh 74);

- C n c Thông t liên t ch s 20/2014/TTLT-BGD T-BTC-BL TBXH ngày 30/5/2014 c a B Giáo d c và ào t o, Tài chính, Lao ng Th ng binh và Xã h i v h ng d n th c hi n m t s i u c a Ngh nh s 49/2010/N -CP ngày 14/5/2010 c a Chính ph quy nh v mi n, gi m h c phí, h tr chi phí h c t p và c ch thu, s d ng h c phí i v i c s giáo d c thu c h th ng giáo d c qu c dân t n m h c 2010 - 2011 n n m h c 2014 - 2015 và Ngh nh s 74/2013/N -CP ngày 15/7/2013 c a Chính ph s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh s 49/2010/N -CP.

Nay Nhà tr ng h ng d n vi c th c hi n ch mi n, gi m h c phí i v i h c sinh, sinh viên h chính quy, c th nh sau:

1. i t ng c mi n h c phí

1.1. H c sinh, sinh viên là con c a ng i ng i ho t ng cách m ng tr c ngày 01 tháng 01 n m 1945; con c a ng i ho t ng cách m ng t ngày 01 tháng 01 n m 1945 n ngày kh i ngh a tháng 8 n m 1945; con c a Anh hùng L c l ng v trang nhân dân; con c a Anh hùng Lao ng trong th i k kháng chi n; con c a li t s ; con c a th ng binh, ng i h ng chính sách nh th ng binh; con c a b nh binh; con c a ng i ho t ng kháng chi n b nhi m ch t c hóa h c.

1.2. H c sinh, sinh viên m côi c cha l n m không n i n ng t a.

1.3. Học sinh, sinh viên bần tẻ, khuyết tật thu nhập nghèo và học sinh nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thu nhập nghèo và học sinh nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Sinh viên, học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*Dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hơ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mông, Cống, Cờ Lao, Bơ Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, ...*).

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại các văn bản dưới đây:

- Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng nông thôn dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

- Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện ưu tiên Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện ưu tiên của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 và Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thu nhập xã khu vực II vào diện ưu tiên của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện ưu tiên của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các nhiệm vụ hành chính thu nhập vùng khó khăn và các Quyết định bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;

- Quy t nh s 2405/Q -TTg ngày 10/12/2013 c a Th t ng Chính ph phê duy t danh sách các xã c bi t khó kh n, xã biên gi i, xã an toàn khu vào di n u t c a Ch ng trình 135 n m 2014 và n m 2015;

- Quy t nh s 582/Q -UBDT ngày 18/12/2013 c a B tr ng, Ch nhi m U ban Dân t c phê duy t danh sách thôn c bi t khó kh n vùng dân t c và mi n núi vào di n u t c a Ch ng trình 135;

Các xã thu c huy n nghèo theo Ngh quy t s 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 c a Chính ph v Ch ng trình h tr gi m nghèo nhanh và b n v ng i v i 62 huy n nghèo và Quy t nh s 1791/Q -TTg ngày 01/10/2013 c a Th t ng Chính ph v vi c b sung huy n N m Nhùn t nh Lai Châu; huy n N m P t nh i n Biên vào danh m c các huy n nghèo c h ng các c ch , chính sách h tr theo Ngh quy t s 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 c a Chính ph v Ch ng trình h tr gi m nghèo nhanh và b n v ng i v i 62 huy n nghèo;

Các quy t nh khác c a c quan Nhà n c có th m quy n s a i, b sung ho c quy nh m i v danh sách các xã c bi t khó kh n, thôn c bi t khó kh n (n u có).

2. i t ng c gi m 50% h c phí

H c sinh, sinh viên là con cán b , công nhân, viên ch c mà cha ho c m b tai n n lao ng ho c m c b nh ngh nghi p c h ng tr c p th ng xuyên.

3. Ph ng th c c p bù ti n mi n, gi m h c phí và h tr chi phí h c t p

Phòng lao ng-th ng binh và xã h i các a ph ng (n i sinh viên ng ký h kh u) ch u trách nhi m chi tr , quy t toán kinh phí c p bù h c phí tr c ti p b ng ti n m t cho cha m sinh viên ang h c các tr ng i h c, Cao ng ho c trung c p ngoài công l p. (Sinh viên thu c ói t ng mi n, gi m h c phí m c 1 & 2 u ph i th c hi n ngh a v óng h c phí bình th ng nh m i sinh viên khác. Hàng n m (h c k 1 vào tháng 11 và h c k 2 vào tháng 4) Phòng lao ng -th ng binh và xã h i s c p bù ti n mi n gi m h c phí ti n h tr ch phí h c t p cho cha m sinh viên theo quy nh c a ngh nh 49/2010/N -CP c a Chính ph .

4. H s và th t c xét mi n, gi m c p bù h c phí và h tr chi phí h c t p

4.1. i v i sinh viên m i nh p h c (l n u tiên th c hi n vi c mi n gi m), h s g m:

- n ng h c p bù ti n mi n, gi m h c phí (theo m u: Ph 1 c V);
- Th Th ng, B nh binh ho c các gi y ch ng nh n c a cha, m ho c sinh viên thu c i t ng c mi n gi m h c phí t i kho n 1 và 2 (phô tô công ch ng);

- Giấy khai sinh của sinh viên (phô tô công chứng);
- Giấy báo trúng tuyển thi học, Cao đẳng (hoặc giấy ghi nhận học) (phô tô công chứng);
- Giấy xác nhận của nhà trường (khi sinh viên đã nhập học chính thức), theo mẫu: Phụ lục VI.

Tất cả 5 loại giấy tờ trên, sinh viên hoặc cha mẹ sinh viên nộp tại phòng Lao động-thương binh và xã hội địa phương để xét cấp tín dụng học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ.

4.2. Đối với sinh viên làm thủ tục xin xét miễn giảm lần thứ 2 trở lại, hồ sơ gồm:

- Đơn nghênh cấp bù tín dụng, giảm học phí (theo mẫu: Phụ lục V);
- Đơn nghênh cấp bù tín dụng, giảm học phí (theo mẫu: Phụ lục VI);
- Giấy xác nhận của nhà trường (khi sinh viên đã nhập học chính thức), theo mẫu: Phụ lục VI.
- Hóa đơn nhập học phí của học kỳ tiếp theo.

Tất cả 3 loại giấy tờ trên, sinh viên hoặc cha mẹ sinh viên nộp tại phòng Lao động - thương binh và xã hội địa phương để xét cấp tín dụng học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ.

Ghi chú: Tất cả các biểu mẫu trên (nếu có) có thể tải website của phòng Công tác học sinh, sinh viên (Website: <http://hssv.duytan.edu.vn>) hoặc trực tiếp tại phòng 109 đường số 182 Nguyễn Văn Linh (Phòng CTHSSV) hàng ngày và cung cấp biểu mẫu.

Liên hệ các khoa, phòng, ban có liên quan và Giảng viên CVHT quản trị tín dụng sinh viên bị t và th c hi n theo quy định của Nhà trường.

N i nh n:

- /c Hi u tr ng (b/c);
- Các Phó Hi u tr ng (p/h ch o);
- Các Khoa có SV;
- Phòng: TC-KT; T H&S H
- ng Website, dán BT 04 c s ;
- L u: VP, CTHSSV (02).

KT. HI U TR NG
PHÓ HI U TR NG
 ã ký

TS.Nguy n H u Phú